|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UBND TỈNH, THÀNH PHỐ…** | | **Biểu số 47/CK-NSNN** |
|  |  |  |
| **CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH** | | |
| **VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019** | | |
| *(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)* | | |
|  |  | *Đơn vị: Triệu đồng* |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **DỰ TOÁN** |
| **A** | **NGÂN SÁCH CẤP TỈNH** |  |
| **I** | **Nguồn thu ngân sách** | **9.041.197** |
| 1 | Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp | 3.579.118 |
| 2 | Thu bổ sung từ NSTW | 5.462.079 |
| - | Thu bổ sung cân đối | 3.073.820 |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | 2.388.259 |
| 3 | Thu từ quỹ dự trữ tài chính |  |
| 4 | Thu kết dư |  |
| 5 | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang |  |
| **II** | **Chi ngân sách** | **9.059.896** |
| 1 | Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh | 6.248.238 |
| 2 | Chi bổ sung cho ngân sách huyện | 2.811.658 |
| - | Chi bổ sung cân đối | 1.954.088 |
| - | Chi bổ sung có mục tiêu | 857.570 |
| 3 | Chi chuyển nguồn sang năm sau |  |
| **III** | **Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP** | **116.100** |
| **B** | **NGÂN SÁCH HUYỆN (BAO GỒM NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ)** |  |
| **I** | **Nguồn thu ngân sách** | **5.352.541** |
| 1 | Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp | 2.540.883 |
| 2 | Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh | 2.811.658 |
| - | Thu bổ sung cân đối | 1.954.088 |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | 857.570 |
| 3 | Thu kết dư |  |
| 4 | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang |  |
| **II** | **Chi ngân sách** | **5.352.541** |
| 1 | Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện | 5.352.541 |
| 2 | Chi bổ sung cho ngân sách xã |  |
| - | Chi bổ sung cân đối |  |
| - | Chi bổ sung có mục tiêu |  |
| 3 | Chi chuyển nguồn sang năm sau |  |